TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Bảo vật quốc gia - tấm bia cổ chùa Viên Quang

ISSN: 2734-9195 10:10 02/11/2026

Thực ra câu văn bia đã tả rất kỹ, rất đúng về vị trí của ngôi chùa Diên Phúc – Viên Quang xưa giống như các tác giả "Thơ Văn Lý Trần" và "Văn Bia Thời Lý" đã dịch.

Chùa Viên Quang (Viên Quang tự = □□□) ở thôn Nghĩa Xã, xã Xuân Ninh, Xuân Trường, tỉnh Nam Định (cũ). Tiền đường chùa còn dựng một tấm bia cổ (được cho là có từ thời nhà Lý – TK 12).

Về tấm bia cổ này, đã có ít nhất là hai công trình khảo cứu rất kỹ và xuất bản rộng rãi thành sách: "Thơ văn Lý Trần" (Nxb Khoa học xã Hội, 1977) và "Văn bia thời Lý" (Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2010).

Nhà nghiên cứu Vũ Thế Khôi cùng cộng sự, trong quá trình điền dã, đã trực tiếp khảo sát tấm bia về về niên đại, nội dung của tấm bia đăng trên Tạp chí Hán Nôm số 5 (150) - năm 2018.



Ảnh tác giả cung cấp

Trong quá trình tìm hiểu lịch sử quê hương, chúng tôi có dịp được tiếp cận tấm bia và có một vài cảm nhận, suy nghĩ khác. Xin được mạnh dạn tỏ bày:

I. - Quan sát tổng thể

1. Tấm bia cao lớn, khá mỏng so với các tấm bia cùng cỡ, chất đá khắc bia rất tốt, ổn định, đồng đều. Toàn bộ chữ trên bia hầu như chưa bị sứt mẻ, bào mòn hay phong hóa, sùi rộp, chứng tỏ mấy trăm năm gần đây bia được che chắn và tôn dựng cẩn thận, bia không bị dãi dầu mưa nắng hay ngập nước, ẩm thấp.

2. Tấm bia này có 2 mặt khắc chữ chứ không phải chỉ có một mặt chữ như đã được chép, khảo kỹ lưỡng trong hai cuốn sách kể trên. Cũng có lẽ do mặt sau của tấm bia quá cận tường chùa, thiếu ánh sáng nên khó có điều kiện tiếp cận. Nhóm khảo sát của nhà nghiên cứu Vũ Thế Khôi dùng đèn pin lách vào soi cũng "chỉ đọc được khoảng mươi chữ ở phần trên của mặt bia". Bằng "công nghệ hiện đại", dùng điện thoại thông minh luồn vào chụp ảnh và quay thành video, chúng tôi biết được rằng: mặt sau tấm bia không phải chỉ có "mươi chữ" mà thực tế có tới... hơn 800 chữ Hán.

Nội dung chủ yếu của mặt này là liệt kê các thí chủ, các khoảnh ruộng chùa Viên Quang được ban cấp, tiến cúng và....gửi hậu trong các thời Lý, Trần và... đầu Lê trung hưng (cuối TK 16, đầu TK 17).

Xét hành văn, từ ngữ của mặt này, có thể suy đoán là nó được khắc chủ yếu vào khoảng cuối TK 16, xác định "địa bạ" thuộc sở hữu của chùa (1).

3. Chữ khắc ở mặt 1: Ngoại trừ 4 chữ lớn trên trán bia (A Di Đà Phật = □□□□), chữ trong lòng bia khắc rất đều đặn, ngang hàng thẳng cột. Trong lòng bia khắc vừa vặn 24 cột chữ, mỗi cột đủ chỗ khắc 55 chữ, cụ thể như sau:

Cột	Số chữ
Trán bia	4
Cột 1	9
Cột 2	16
Cột 3	55
Cột 4	55
Cột 5	55
Cột 6	55
Cột 7	55
Cột 8	55
Cột 9	55
Cột 10	55
Cột 11	55

Cột 12	55
Cột 13	55
Cột 14	55
Cột 15	55
Cột 16	55
Cột 17	55
Cột 18	8
Cột 19	44
Cột 20	44
Cột 21	44
Cột 22	44
Cột 23	44
Cột 24	16
Tổng số	**1.109**

Trên mặt bia mịn màng, không có dấu hiệu khắc chèn thêm chữ khắc sót hoặc dấu trỏ việc khắc lộn. Toàn bộ 1.105 chữ lòng bia chỉ có hai chữ "tinh tự = □□ " ở phần tên bài minh (cột 1) là bị khắc nhỏ đi, cũng có thể là được khắc "bổ sung" về sau (mang tính chất "đính chính") để phù hợp với nội dung của cả bài văn bia (minh và tựa) (2).

II. Nội dung mặt 1

Chúng tôi chép "**nguyên văn**" chữ Hán thực khắc ở lòng mặt 1 tấm bia, ngắt câu và xuống hàng theo các bậc thầy Hán Nôm trong sách "Thơ Văn Lý Trần" và "Văn Bia Thời Lý" như sau:

圓光寺碑銘并序。頌述。
維天符睿武三年。覺海大法師刻碑一面。
聞夫。
法山峭絕。非慈力難可陟其端。
教海汪洋。假慈航方能臻彼岸。
故大雄氏。權見迹維。
闡揚大法而百具莊嚴。
弘濟迷塗而萬行熏習。
鑄心田之蒸穢。滌情竇之氤氛。
啓六度之津梁。拯群生於塗炭。
無想不識。悉齒錄而不忘。
竭勤肖翹。尽提撕而靡替。
及乎。
双林晦影。示入泥洹。
四眾傾心。同聞鴈累。
於是。
或京師而緬思梵福。鏤宇星分。
或州縣而叙報洪恩。象祠棋布。
今圓光寺者。即李昊宗之所創。而覺海法師之栖遲也。
師誕從於仁里。态殊絕於魏夷。
譬蓮拔於淤泥。飛香滿樞。
類松生於洞底。擢翠凌虛。
隨機化物之功。夐超千古。
損己濟他之道。迥出六塵。
心花灼灼四時荣。
禪月孝孝千里照。
定法門之樞鑰。通天文之星象也。

是以。
降芝幢於丹漢。
振虎錫於幽州。
雲出岫而輕風易飛。
鵾冲天而鐵埃難染。
孤征上國。
獨步形庭。
見之者如蜆裂膽。
聞之者如魚得水。
決曹溪之一派。
流神甸之八荒。
維梁武之詭公。漢明之竺法。無以加也。
人既化矣。師既逝矣。
乃策杖而歸本鄉。
乍浮盃而還舊里。
占隆虎之勝地。
斷羊血之穢鄰。
前帶南亩而萬頃黃雲布地。
後帶東流而千里碧浪連天。
左枕海清之雞宮。春有耕而秋有穫。
右引隆橋之古寺。朝聞梵而暮聞鐘。
惟上念慈。依師樂此。
於明道初年。敕命有司造興經始。
於是。
匠工雲集。
材石山積。
斧斤樸斲而化出天宮。

会碧輝華而假成寶殿。

中座則彌陀教主。白毫將銷日文光。

傍圍則住世上人。楠质與龐眉具體。

超凡聖眾。列侍衛而聞經。

多力善神。對揮戈而護法。

廟曰圓光寺者。表吾師覺道之圓滿妙体光大也。

更有。

宗楼特立其界内。鯨音屡吼於晚昏。

鈴閣突起於坤維。膀塔相望於指顧。

厨室縱横架其後。安六代之祖師。

正門嚴淨聳其前。開十里之長徑。

朝雲生於棟梁。

暮霞映於栱櫨。

溟涵夜月澡沉珠。

露泣晓花迷濯錦。

一場埃壒。

四顧蕭森。

神宗之宥方也。偶顧其禪林。整乘輿而覩幸。

英宗之觀民也。既欽崇其淨刹。嚴羽衛而登臨。

今王。

仁並堯天。

孝參舜日。

感二聖遊觀之地。

希一人勝賞之情。

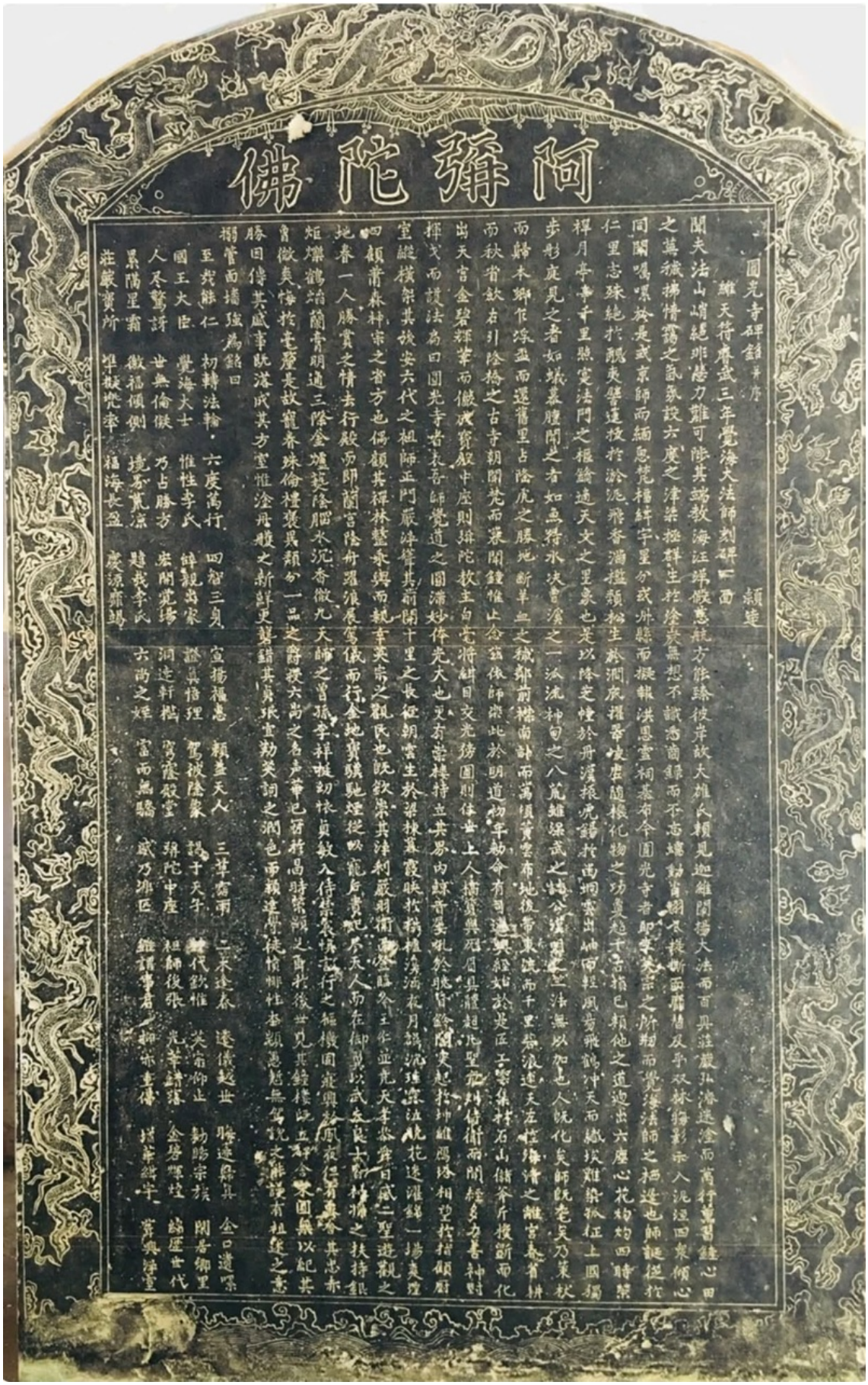
去行殿而即蘭宮。陰舟躍浪。

展鸞儀而行金地。寶輦映煙。

從以寵后貴妃。尽天人而在御。

翼以武夫良士。皆神將之扶持。
銀炬燦鵝焰蘭膏。明通三際。
金爐熱隆國水沉。香徹九天。
師之曾孫李祥挺。
幼懷貞敏。
入侍禁宮。
慎言行之樞機。
罔寢興於夙夜。
但有密含其忠赤。
曾微庾賄於老饕。
是敬。
寵眷殊倫。
禮衮異頒。
分一品之爵。
授六尚之名。
聲华已冠於昌時。
榮顯足垂於後世。
見其鐘簴既立。碑舍未圖。
無以紀其勝因。傳其盛事。
既落成其方室。惟塗丹臒之新鮮。
更磬錯其貞瑯。宜勒芙詞之洞色。
而願違。
爭徒憤惋。
性本頑愚。
慚無駕說之能。
謾有祖述之意。
捆管而塙。

強為銘曰。
至哉能人。初轉法輪。六度萬行。四智三身。
宣揚權急。導益天人。三草殞雨。二木逢春。
遷儀越世。晦迹歸真。金口遺累。國王大臣。
覺海大士。惟性李氏。辭親出家。證真悟理。
駕彼隆象。稱于天子。神代欽惟。芙宗仰止。
敕賜宗族。閭居鄉里。人尽驚訝。世無倫擬。
乃占勝方。宏開覺場。洞達軒檻。穹窿殿堂。
鷲陀中座。祖師後張。光華錯落。金碧輝煌。
綿歷世代。累隔星霜。徽福傾側。境界荒凉。
賢哉李氏。六尚之侄。富而無驕。盛乃非匹。
瑋諱事君。抑亦重佛。增華繡宇。葺興淨室。
莊嚴實所。牽拟兜率。福海長盈。慶源磨竭。



Ảnh tác giả cung cấp

Và phiên âm:

“Viên Quang Tự Bi Minh Tinh Tự. Dĩnh Đạt.

Duy Thiên Phù Duệ Vũ tam niên. Giác Hải Đại Pháp Sư khắc bi nhất diện.

Văn phù,

Pháp sơn tiễu tuyệt, Phi tuệ lực nan khả trắc kỳ đoan,

Giáo hải uông dương, Giả từ hàng phương năng trăn bỉ ngạn.

Cố Đại Hùng thị, Lại kiến Già Duy,

Xiển dương đại pháp nhi bách cụ trang nghiêm,

Hoằng tế mê đồ nhi vạn hạnh huân tập,

Sản tâm điền chi vu uế, Phất tình ái chi nhân phân,

Thiết lục độ chi tân lương, Chửng quần sinh ư đồ thán.

Vô tưởng bất thức, Tất xỉ lục nhi bất vong,

Nhu động tiếu kiều, Tận đề tê nhi mỹ thế,

Cập hồ,

Song Lâm hối ảnh, Thị nhập Nê hoàn,

Tứ chúng khuynh tâm, Đồng văn chúc luỹ,

Ư thị,

Hoặc kinh sư nhi miễn tư phạn phúc, Cam vũ tinh phân,

Hoặc châu huyện nhi nghĩ báo hồng ân, Linh từ kỳ bố.

Kim Viên Quang tự giả, Tức Lý Anh Tông chi sở sáng, Nhi Giác Hải Pháp Sư chi thê trì dã,

Sư đản tòng ư nhân lý, Chí thù tuyệt ư xú di,

Thí liên bạt ư ứ nê, Phi hương mãn hạm,

Loại tùng sinh ư giản để, Trạc thuý lăng hư,

Tuỳ cơ hoá vật chi công, Quýnh siêu thiên cổ,

Tổn kỷ lại tha chi đạo, Huýnh xuất lục trần,

Tâm hoa chước chước tứ thời vinh,

Thiền nguyệt đình đình thiên lý chiếu,

Thực pháp môn chi xu thược, Thích thiên văn chi tinh tượng dã,

Thị dĩ,

Giáng chi chàng ư đan hán,

Chấn hổ tích ư u quynh,

Vân xuất tụ nhi khinh phong dị phi,

Hạc xung thiên nhi tiêm ai nan nhiễm,

Cô chinh thượng quốc,

Độc bộ đồng đình,

Kiến chi giả như nghị mộ chiên,

Văn chi giả như ngư đắc thuỷ,

Quyết Tào khê chi nhất phái,

Lưu thần điện chi bát hoang,

Tuy Lương Vũ chi Chí Công, Hán Minh chi Trúc Pháp, Vô dĩ gia dã.

Nhân ký hoá hỹ, Sư ký mạo hỹ,

Nãi sách trượng nhi quy bản hương, Xạ phù bôi nhi hoàn cựu lý,

Chiêm long hổ chi thắng địa,

Đoạn dương huyết chi uế lân,

Tiền khâm nam mẫu, nhi vạn khoảnh hoàng vân bố địa,

Hậu đới đông lưu, nhi thiên lý bích lãng liên thiên,

Tả khống Hải - Thanh chi ly cung, Xuân tỉnh canh nhi thu tỉnh liễm,

Hữu dẫn Long - Kiều chi cổ tự, Triêu văn phạn nhi mộ văn chung,

Duy thượng niệm tư, Y sư lạc thử,

Ư Minh Đạo sơ niên, Sắc mệnh hữu ty tốc hưng kinh thuỷ,

Ư thị,

Tượng công vân tập,

Tài thạch sơn trừu,

Phủ cân phác trác nhi hoá xuất thiên cung,

Kim bích huy hoa nhi nghiễm thành bảo điện,

Trung toạ tắc Di Đà Giáo Chủ, Bạch hào tương cam mục giao quang,

Bàng đồ tắc Trụ thế thượng nhân, Cảo chất dữ bàng my cụ thể,

Siêu phàm thánh chúng, liệt thị vệ nhi văn kinh,

Đa lực thiện thần, Đối huy qua nhi hộ pháp,

Biển viết Viên Quang tự giả, biểu ngô sư giác đạo chi viên mãn diệu thể quang đại dã,

Cánh hữu,

Sùng lâu đặc lập kỳ giới nội, Kình âm lũ hống ư hiểu hôn,

Linh các đột khởi ư khôn duy, Nhạn tháp tương vọng ư chỉ cố,

Trù thất túng hoành giá kỳ hậu, An lục đại chi tổ sư,

Chính môn nghiêm tịnh tủng kỳ tiền, Khai thập lý chi trường kính,

Triêu vân sinh ư lương đống,

Mộ hà ánh ư củng lư,

Khê hàm dạ nguyệt ngộ trầm khuê,

Lộ khấp hiểu hoa mê trạc cẩm,

Nhất tràng sảng khải,

Tứ cố tiêu sâm,

Thần Tông chi tỉnh phương dã, Ngẫu cố kỳ thiền lâm, Chỉnh thừa dư nhi thân hạnh,

Anh Tông chi quan dân dã, Ký khâm sùng kỳ tịnh sái, Nghiêm vũ vệ nhi đăng lâm,

Kim vương,

Nhân tịnh Nghiêu thiên,

Hiếu tham Thuấn nhật,

Cảm nhị Thánh du quan chi địa,

Quyến nhất nhân thắng thưởng chi tình,

Khứ hành điện nhi tức lan cung, Long chu dược lãng,

Triển giá nghi nhi hành kim địa, Bảo ký trì yên,

Tòng dĩ sủng hậu quý phi, Tận thiên nhân nhi tại ngự,

Dực dĩ vũ phu lương sĩ, Giai thần tướng chi phù trì,

Ngân cự thước hạc diệm lan cao, Minh thông tam tế,

Kim lô nhiệt long não thuỷ trầm, Hương triệt cửu thiên,

Sư chi tằng tôn Lý Tường Đĩnh,

Ấu hoài trinh mẫn,

Nhập thị cấm thần,

Thận ngôn hạnh chi xu cơ,

Cố tẩm hưng ư túc dạ,

Đãn hữu mật hàm kỳ trung xích,

Tằng vi sảng hối ư hào ly,

Thị cố,

Sủng quyến thù luân,

Lễ bao dị loại,

Phân nhất phẩm chi tước,

Thụ lục thượng chi danh,

Thanh hoa dĩ quán ư xương thời,

Vinh hiển túc thuỳ ư hậu thế,

Kiến kỳ chung lâu ký lập, Bi xá vị viên,

Vô dĩ kỷ kỳ thắng nhân, Truyền kỳ thịnh sự,

Ký lạc thành kỳ phương thất, Duy đồ đan hoạch chi tân tiên,

Cánh lung thác kỳ trinh mân, Nghi lặc anh từ chi nhuận sắc,

Nhi Dĩnh Đạt,

Học đồ phẫn phỉ,

Tính bản chuyên ngu,

Tàm vô giá thuyết chi năng,

Mạn hữu tổ thuật chi ý,

Nạch quản diện tường,

Cưỡng vi minh viết,

Chí tai năng nhân, Sơ chuyển pháp luân, Lục độ vạn hạnh, Tứ trí tam thân,

Tuyên dương phúc huệ, Lại ích thiên nhân, Tam thảo chiêm vũ, Nhị mộc phùng xuân,

Thiên nghi việt thế, Hối tích quy chân, Kim khẩu di luỹ, Quốc vương đại thần,

Giác Hải đại sĩ, Duy tính Lý thị, Từ thân xuất gia, Chứng chân ngộ lý,

Giá bỉ long tượng, Yết vu thiên tử, Thần đại khâm duy, Anh Tông ngưỡng chỉ,

Sắc tứ tông tộc, Nhàn cư hương lý, Nhân tận kinh nhạ, Thế vô luân nghĩ,

Nãi chiếm thắng phương, Hoành khai giác trường, Đỗng đạt hiên hạm, Khung lung điện đường,

Di Đà trung toạ, Tổ sư hậu trương, Quang hoa thác lạc, Kim bích huy hoàng,

Miên lịch thế đại, Luỹ cách tinh sương, Kiểu phúc khuynh trắc, Cảnh giới hoang lương,

Vĩ tai Lý thị, Lục thượng chi điệt, Phú nhi vô kiêu, Thịnh nãi phi thất,

Tuy vị sự quân, Ức diệc trọng Phật, Tăng hoa cam vũ, Tập hưng tịnh thất,

Trang nghiêm bảo sở, Chuẩn nghĩ Đâu Suất, Phúc hải trường doanh, Khánh nguyên mỹ kiệt.”

Soát, đọc toàn bộ nội dung lòng bia, chúng tôi có ba điều ngờ ngợ:

1. Khắc sót hoặc … dư một chữ: Ở cột thứ 14, câu văn có 35 chữ:

□□□□□□□□□□□□□□□□□

□□□□□□□□□□□□□□□□□□

Thần Tông chi tỉnh phương dã, Ngẫu cố kỳ thiền lâm, Chỉnh thừa dư nhi thân hạnh,

Anh Tông chi quan dân dã, Ký khâm sùng kỳ tịnh sái, Nghiêm vũ vệ nhi đăng lâm”.

Ở đây, rất có thể là đã khắc sót mất 1 chữ (kề sau chữ Ngẫu = □ , mà các tác giả sách “Thơ văn Lý Trần” đã cho đó là chữ Chiêm = □ , để câu văn đăng đối hơn) (3), hoặc dư ra một chữ (Ký = □). Trong trường hợp thiếu thì nguyên gốc câu văn có 36 chữ, trong trường hợp dư, thì câu văn gốc có 34 chữ, đảm bảo là 2 vế đối trong văn biền ngẫu.

2. Khắc lộn một chữ: Ở cột thứ 15, 16, câu văn 22 chữ:

□□□□□□□□□□□

□□□□□□□□□□□

Ngân cự thước hạc diệm lan cao, Minh thông tam tế,

Kim lô nhiệt long não thuỷ trầm, Hương triệt cửu thiên,

Ở đây chữ “trầm thuỷ = □□ “ (một dạng trầm hương – chất rắn, không chìm trong nước, khi đốt khói rất thơm, thường dùng đốt thắp ở nhà chùa và làm hương liệu, mỹ phẩm) bị khắc lộn thành “thuỷ trầm = □□ “). Khi khắc lộn như vậy, không những chỉ làm mất ý nghĩa của từ “trầm thuỷ”, mà còn làm mất “đối” âm (giữa “THUỶ = □ ” với “CAO = □ ”, giữa “lan cao = □□ ” với “trầm thuỷ = □□ ”, giữa “**Ngân cự thước hạc diệm lan CAO = □□□□□□□** ” với “**Kim lô nhiệt long não trầm THUỶ = □□□□□□□** ”) trong câu văn biền ngẫu xưa.

Có lẽ nhận ra đây là hai chữ bị khắc lộn, nên trong sách "Thơ văn Lý Trần" các tác giả đã chủ động sửa khi phiên đọc là "trầm thủy = □□ " (chúng tôi đóng khung màu xanh trong trang sách 451). Riêng sách "Văn bia thời Lý" vẫn giữ nguyên thứ tự chữ thực khắc trên bia khi chép và phiên ("thủy trầm = □□ " - trang sách 308, 311) nhưng khi dịch nghĩa thì vẫn dịch thuận là "trầm thủy" (trang sách 314).

3. Có thể là khắc lầm một chữ: Đó là chữ Lý = □ (chữ thứ 41, cột 9), khắc sai đi từ chữ TRÙNG = □ . Nếu ở vị trí đó là chữ Trùng = □ , thì câu văn sẽ chỉnh hơn, đối hơn, từ dùng cũng "đắt" hơn, phù hợp với văn phong chung của cả bài minh kiêm tựa này hơn.

□□□□□□□□□□

□□□□□□□□□□

Tiền khâm nam mẫu, nhi vạn khoảnh hoàng vân bố địa,

Hậu đới đông lưu, nhi thiên TRÙNG bích lãng liên thiên,

Chữ "Thiên **TRÙNG**" sẽ đối âm với chữ " Vạn **KHOẢNH**", cả câu "thiên trùng bích lãng liên thiên" với nghĩa rất hay là "muôn trùng sóng biếc liền trời" (khác hẳn với cái ý "muôn DẶM sóng") (4).

III. Các "dị bản" văn bia

Do chưa có điều kiện tiếp cận với sách "Văn khắc Hán Nôm", chúng tôi mới chỉ biết được hai "dị bản" văn bia chùa Viên Quang này ở sách "Thơ Văn Lý Trần" và "Văn Bia Thời Lý".

Chúng ta lần lượt "khảo" 2 văn bản này:

1. Sách "Thơ Văn Lý Trần" (xuất bản năm 1977): Trong sách, phần chép nội dung bia (chữ Hán) được in ở hai trang 450, 451. Được biết là các tác giả làm sách đã phải trải qua việc sao đi - chép lại (nhiều khi viết tắt, viết thảo), truyền bản qua tay, bút của 2, 3 người từ bia đá thực, rồi lại phải sắp chữ để in tipo trong điều kiện công nghệ chế bản và in ấn còn lạc hậu, "con chữ chì" ngoại ngữ lại có những thay đổi (phồn thể - giản thể) nên khó tránh có những lầm lẫn. Hơn nữa, quan niệm của những người thực hiện có thể có những nét riêng, khác biệt nên việc chép, sao chữ nhiều khi không còn giữ được tính thống nhất từ bia thực đến trang sách. Ngoại trừ những chữ "giản thể" (mà có lẽ thời gian ấy (năm 1977) con chữ chì không thể có chữ "phồn thể"), chúng tôi "soi", đếm được 40 chữ "dị" so giữa văn bản in và thực bia đá. Những chữ này, chúng tôi

khoanh dấu đỏ trên ảnh chụp các trang sách.



Bảo vật quốc gia - tấm bia cổ chùa Viên Quang
https://phathoc.vn/bao-vat-quoc-gia-tam-bia-co-chua-vien-quang.html

Ảnh tác giả cung cấp

- Trong 40 chữ bị chép sai lạc đi đó, chữ sai gây "hoạ" lớn nhất đó là chữ "**ĐIỆT** = □ " được chép sai đi từ chữ "Tính = □ " dẫn đến dịch câu minh: "Giác Hải đại sĩ, Duy TÍNH Lý thị" (mà sách "Văn bia thời Lý" dịch là "Giác Hải Đại sĩ, Là người họ Lý" – trang 315 trong sách) thành "Giác Hải đại sĩ, Là người **CHÁU** họ Lý" (trang sách 455).

- Ở sau chữ Liên = (chữ thứ 10 cột 6) các tác giả "chèn" thêm chữ "Hoa = □ ", làm què lệch câu văn, đồng thời lại chép sai chữ cuối của câu đó (chữ thứ 18, cột 6) từ "**Hạm =** □ " (âm trắc) thành "**Doanh =** □ " (thanh bằng), khiến câu văn chông chênh, mất đối và sai lạc ý nghĩa. ("Thí liên **HOA** bạt ư ứ nê, Phi hương mãn **DOANH**,

Loại tùng sinh ư giản để, Trạc thuý lăng hư") (Dòng 10, 11 dl, Trang 450 sách Thơ Văn Lý Trần).

("**Phi hương mãn DOANH**" có nghĩa là "**Hương thơm bay lan cuốn đầy…CỘT**", rất là vô lý !, trong khi ý nghĩa thực rất hay của câu "**Phi hương mãn HẠM**" là "**Hương thơm bay lan phủ đầy hàng hiên, lan can, hành lang, thềm… (của ngôi chùa)").** Thêm một chữ " Hoa" thành ra đem 7 chữ đối với 6 chữ ("Thí liên **HOA** bạt ư ứ nê >< Loại tùng sinh ư giản để").

2. - **Sách "Văn Bia thời Lý"** (xuất bản năm 2010): Sách này chép văn bia từ thác bản (số 28943, lưu ở Viện Nghiên cứu Hán Nôm), không phải sao chép tay nên có rất ít sai sót. Soi thật kỹ, chúng tôi mới chỉ phát hiện được có 4 chữ sai khác giữa sách và thực bia. (Đó là chữ Thánh = □ sai từ chữ Anh = □ (chữ thứ 38, cột 5) (5), chữ Thạch = □ sai từ chữ Bích = □ (chữ thứ 5, cột 11), chữ Nghiêm = □ sai từ chữ Nghiễm = □ (chữ thứ 9, cột 11), và chữ Pháp = □ sai từ chữ Khứ = □ (chữ thứ 9, cột 15)). Cũng cần lưu ý rằng, phần chữ Hán gõ, chép có sai lạc chút đỉnh, nhưng phần phiên âm thì vẫn đúng với chữ thực khắc trên bia ("anh", "bích", "khứ" - trừ chữ "nghiễm" vẫn phiên "nghiêm").

IV. Cảm nhận cá nhân về tấm bia

1. Lai lịch chùa Viên Quang:

- Chùa Viên Quang, ban đầu có tên là chùa Diên Phúc (□□□), chùa Diên Phúc do Thiền sư Giác Hải xây dựng với quy mô nhỏ bé ở bờ sông Hồng (Vạn Giao Thuỷ thuộc Hương Giao Thủy) khi mới đi tu, vào những năm cuối thời Vua Lý Thái Tông (1028 – 1054). Sau khi cùng Không Lộ, Từ Đạo Hạnh sang Tây trúc cầu đạo, đắc đạo vào năm 1062, Giác Hải và Không Lộ trở về tu hành ở chùa

Diên Phúc. (Năm sau – 1063 - Không Lộ mới bắt tay vào xây dựng chùa Nghiêm Quang ở gần đó).

- Tháng 2, năm thứ 5 niên hiệu Chính Long Bảo Ứng (**1167**), Vua Lý Anh Tông xuống chiếu tu sửa chùa Diên Phúc (□□), sau cho đổi tên chùa thành Viên Quang (□□) (6), đổi tên Hương Giao Thuỷ thành Hương Hộ Xá, cắt cấp 300 người để làm việc chùa. (7). Là một trong số ít những ngôi "quốc tự", chùa Viên Quang có quy mô rất lớn: 36 toà, mấy trăm gian, vật liệu xây dựng bền chắc. (Chỉ cần xem hai tháp xá lợi đẽo tạc bằng đá nguyên khối và vài chục đá tảng kê chân cột rất lớn hiện còn lưu lại ở xung quanh hồ nước trước chùa Viên Quang ngày nay thì chúng ta cũng có thể biết điều đó).

- Vào khoảng cuối TK 16, đầu TK 17, nhiều trận lũ lụt xảy ra liên miên, chùa Viên Quang có nguy cơ lở trôi mất xuống sông Hồng, quan, dân, sư, đàn na thiện tín đã di chuyển chùa vào xa mép nước sông Hồng (có thể là ở trong đê đã được đắp từ thời Trần), tới cánh đồng Bát Dương của xã Từ Quán. (8). Xứ đồng Bát Dương này nguyên có 17 mẫu ruộng của chùa được cúng vào chùa từ thời Lý – Trần (9).

- Cuối thời Lê (Lê Cảnh Hưng), đất đai trong đê, ngoài bãi vùng Hộ Xá bị lở xuống sông Hồng, bồi qua tả ngạn (phần đất nay thuộc tỉnh Thái Bình), nhà nước đã cắt cấp vùng đất Lục Cơ (Rộc Cả) là vùng đất làng Nghĩa Xá hiện nay để di dân Hộ Xá đến sinh sống. (10). Dân Hộ Xá gốc có một phần chuyển cư qua đối ngạn, lập lên làng Thái Nghĩa và một phần chuyển cư tới Lục Cơ = □□ (Rộc Cả) để lập lên làng Nghĩa Xá (Khi đó vẫn thuộc huyện Giao Thuỷ, Phủ Thiên Trường).

- Đến những năm 1860 thời Tự Đức, lụt lội liên miên, vùng đất Bát Dương cũng có nguy cơ lở xuống sông Hồng, nên năm **1866** (Tự Đức 19), dân làng Nghĩa Xá làm đơn xin hạ giải – di chuyển chùa về vùng đất Lục Cơ – Rộc Cả, được chấp thuận và việc di chuyển đã hoàn thành vào tháng Chạp năm đó (11).

Như vậy, cho đến nay chùa Viên Quang đã hai lần "thiên di": lần 1 là từ mép nước sông Hồng vào xứ Bát Dương và lần 2 là từ xứ Bát Dương về cánh đồng Lục Cơ – Rộc Cả = □□ . Qua hai lần hạ giải - di chuyển ấy, chắc chắn đã thất lạc mất nhiều cấu kiện, đồ thờ, bia đá và các bí tích khác. (12)

2. - Lai lịch Thánh Tổ Giác Hải:

Thánh Tổ nguyên họ Nguyễn, tên Viên Y (□□□). Ngài sinh năm Giáp Tý dưới triều Vua Lý Thái Tổ - 1024, viên tịch năm Mậu Ngọ - 1138 - Thiệu Minh 1 dưới triều Vua Lý Anh Tông, thọ 115 tuổi. Nhà sư có lấy vợ, sinh con, di truyền nòi

giống đến nhiều thế hệ sau (13).

- Năm 25 tuổi - 1048, Giác Hải đi tu thiền, xây dựng và trú trì ở chùa Diên Phúc (có lẽ ban đầu chỉ như một cái am nhỏ).

- Năm 36 tuổi - 1059, kết bạn với Không Lộ (44 tuổi) và Đạo Hạnh (48 tuổi), gọi Không Lộ là anh, Đạo Hạnh là anh cả.

- Năm 38 tuổi - 1061, thống nhất với Không Lộ, Đạo Hạnh tìm đường sang Tây Trúc học đạo nâng cao.

- Năm 39 tuổi - 1062, cùng Không Lộ, Đạo Hạnh qua nước Kim Xỉ Man bên Tây Trúc học đạo và đắc đạo.

- Năm 39 tuổi - 1062, sau khi đắc đạo, cùng Không Lộ trở về chùa Diên Phúc. Riêng Từ Đạo Hạnh thì về núi An Sơn (tức núi Phật Tích).

- Năm 40 tuổi - 1063, (Không Lộ 48 tuổi, xây dựng chùa Nghiêm Quang (sau đổi là Thần Quang)).

- Năm 49 tuổi - **1072**, cùng Không Lộ vào triều trừ được mộc tinh (tắc kè), chữa khỏi bệnh cho Vua Lý Nhân Tông. Không Lộ được phong "Phù Vân Quốc Sư = □□□□ ", còn Giác Hải được ban quốc tính (họ Vua = Lý = □).

- Năm 71 tuổi - **1094** = Hội Phong 3 triều Lý Nhân Tông: Dương Không Lộ viên tịch khi 79 tuổi. Lúc này Nguyễn Minh Không 28 tuổi (và chưa chắc đã đi tu ở chùa Giao Thuỷ: Viên Quang hoặc Thần Quang - Đ.H.T).

- Năm 72 tuổi - **1095**, ngày 10 tháng 8, cùng các đệ tử thu xá lợi Không Lộ, xây dựng tháp cốt ở chùa Nghiêm Quang, đồng thời tạc tượng Không Lộ để thờ phụng.

- Năm 115 tuổi - **1138** = Mậu Ngọ = Thiệu Minh 1 dưới triều Vua Lý Anh Tông, Thánh Tổ Giác Hải viên tịch.(14).

Tháng 2, năm thứ 5 niên hiệu Chính Long Bảo Ứng (**1167**), Vua Lý Anh Tông xuống chiếu tu sửa chùa Diên Phúc (□□), sau cho đổi tên chùa thành Viên Quang (□□), đổi tên Hương Giao Thủy thành Hương Hộ Xá, cắt cấp 300 người để làm việc chùa. Đến tháng 3, nhà Vua lại cho đổi tên chùa Nghiêm Quang (□□) thành chùa Thần Quang (□□), đồng thời cho vận chuyển rất nhiều gỗ, đá, gạch và cắt cử hơn một trăm thợ mộc đến để tu sửa hai ngôi chùa này. Nhà Vua lại cấp cho mỗi chùa 5 mẫu ruộng dầu nhang để thờ cúng lâu dài mãi về sau (15).

3. Về lai lịch tấm bia:

Căn cứ vào nội dung văn bia, hình thức hoa văn, kết hợp với lịch sử biến thiên của ngôi chùa, lai lịch hành trạng của Thiền sư Giác Hải và các thế hệ truyền thừa cũng như so chiếu với bia văn ở ngôi chùa Thần Quang Keo Hành Thiện (là ngôi chùa gần như "song sinh" với chùa Diên Phúc – Viên Quang), chúng tôi dự đoán lai lịch của tấm bia này như sau:

3.1. Nguyên xưa ở chùa Diên Phúc, vào năm 1122 – Thiên Phù Duệ Vũ tam niên, khi 99 tuổi, Đại Pháp Sư Giác Hải đã cho khắc dựng một tấm bia. Nội dung tấm bia ấy nay không còn biết là thế nào, tấm bia đá ấy cũng không biết là đã thất lạc đâu đó hay chính là cốt để người sau mài, khắc nên tấm bia mà biện nay chúng ta đang khảo đây hay không?

3.2. Trải qua triều Trần, rồi Hồ, chùa Viên Quang không được triều đình "bảo trợ" như là một ngôi "quốc tự", "chùa vua", "chùa nhà nước" nữa. Chùa dần hoang phế do thiếu điều kiện bảo trì, tu bổ. Ruộng đất của chùa qua ba thế kỷ loạn lạc chiến tranh chống quân Nguyên, quân Minh và lụt lội, lở bồi nên cũng bị phân tán, chia sẻ về quyền quản lý, canh tác, sở hữu…

3.3. Sang triều Lê, triều đình trọng Nho không trọng Phật, trọng đền miếu không trọng chùa, Nhà nước không cho đi tu tràn lan, không cho xây chùa mới mà chỉ cho phép tu bổ chùa cũ từ thời Lý Trần, "sát hạch" sư sãi ở các ngôi chùa (hiện rất đông), "đuổi" hết các sư không đủ tiêu chuẩn hiểu biết Phật pháp, phép tắc cúng lễ về làm dân cày… (16). Các chùa chỉ được các bậc vương công quý tộc, mệnh phụ phu nhân đứng ra quyên cúng trùng tu nâng cấp, đúc chuông tạc tượng.

3.4. Vào khoảng cuối TK 16, Chùa Viên Quang xuống cấp trầm trọng, ruộng chùa cũng bị phân tán, bị các chủ khai thác khác chiếm hữu, chùa lại sắp bị lở xuống sông Hồng. Dưới sự chủ trì của một số vị vương công trong triều, chùa Viên Quang đã được di dời vào trong đê, đến xứ đồng Bát Dương (□□). Các thiện tín còn mua đá, tạc thành ống thống đá làm giếng nước ăn, xây dựng trùng tu chùa theo phong cách kiến trúc thời đó (cột sơn vẽ rồng mây đen tía, cửa chạm khắc vân rồng….). Đồng thời cũng chủ trương phục hồi các di văn cũ ở chùa, khắc lên bia đá song song với việc khắc "địa bạ" ("sổ đỏ") ruộng đất thuộc sở hữu của chùa. (17) Cũng dịp ấy, chùa Keo Hành Thiện được xây dựng sau lở lụt, cũng có khắc dựng nhiều tấm bia tương tự về quy mô và hình thức hoa văn chữ nghĩa, có ghi về việc sửa chùa, kê chép ruộng đất…(18). Đặc biệt hơn nữa, vào năm 1628, chùa Keo Hành Thiện khắc dựng một tấm bia với lời văn của Tiến sĩ Đặng Phi Hiển người làng Thuỵ Thố - Tân Thịnh, rất gần chùa

Viên Quang và nét chữ viết, khắc của "□□□□□□□□□□□□□ **= Tăng lục ti Viên Quang tự Tăng thống Phạm Chiêm Bảng** tự Huệ Vinh = Tăng thống trong Tăng lục ti, trú trì chùa Viên Quang tên là Phạm Chiêm Bảng tự Huệ Vinh". Một vị sư có vị trí rất lớn ở chùa Viên Quang và "Hội Phật giáo Việt Nam" thời đó là "**Viện chủ Tổ đình chùa Viên Quang – Tăng thống Phạm Chiêm Mai tự Huệ Khải"** (cùng với bà vợ cả là Phạm thị Cảnh hiệu Từ Cẩn, bà vợ 2 là Nguyễn thị Tiếp) cũng đã tiến cúng nhiều tiền của vào việc xây dựng chùa Keo Hành Thiện (19).

Chúng tôi nghĩ rằng: Mặt 1 của tấm bia được khắc vào thời gian này (cuối TK 16), một phần cơ bản của mặt 2 cũng được khắc vào thời gian đó. Một số nội dung về tiến cúng, gửi hậu ruộng đất vào những năm giữa thế kỷ 17 còn được khắc bổ sung vào khi phát sinh sau đó.

Chúng tôi suy đoán thời điểm khắc tấm bia này vào thời gian trên là bởi mấy căn cứ sau:

3.4.1. So sánh nét chữ, hoa văn, hoạ tiết, quy mô....của tấm bia với những tấm bia cùng thời ở ngôi chùa Thần Quang Hành Thiện.

3.4.2. Xem xét tính tương đồng trong việc ghi khắc "địa bạ", "sổ đỏ" ruộng đất của mặt sau tấm bia này với bia 1609 ở chùa Thần Quang Thái Bình và 1613, 1628 ở chùa Thần Quang Hành Thiện.

3.4.3. Chữ LONG = □ (rồng), được khắc kỵ huý (dưới triều Lê) thành chữ LONG =□ (thịnh). Trên mặt 1 tấm bia này có khắc 4 (bốn) chữ LONG = □ (rồng) theo kiểu kỵ huý như thế. (20). Về chữ Long khắc kỵ huý này, có người cho rằng đến cuối TK 15 đã không còn phải kiêng huý chữ LONG = □ (rồng) nữa, nhưng thực tế trong dân gian vẫn còn kiêng huý chữ Long = □ (rồng) cho mãi đến cuối triều Lê, thậm chí trong nhiều đạo sắc phong của triều đình Lê Cảnh Hưng (1740 - 1786) vẫn viết kị huý chữ LONG = □ (rồng) này (21).

3.4.4. Sau giai đoạn lở lụt, chuyển chùa vào trong đê cuối TK 16 đó, vùng đất, dân cư nơi toạ lạc chùa Viên Quang và Thần Quang vẫn rất bất ổn. Chùa Thần Quang thì bị lũ lụt cuốn trôi, làng xóm Hành Cung - Hộ Xá thì lở mất nhiều ruộng nương, nhà cửa xuống sông Hồng, dân cư phiêu tán qua đối ngạn và hạ lưu sông Hồng nhiều (Dân Hành Cung thì về mảnh đất hình con cá chép là làng Hành Thiện hiện nay, dân Hộ Xá thì dạt qua sông lập nên làng Thái Nghĩa). Ruộng chùa Viên Quang (vốn phần nhiều là ở bãi sông, cồn nổi) cũng bị thất tán phần lớn, "tiềm lực ngân sách" của chùa cũng bị thâm hụt nặng nề, các việc tu bổ, bảo trì chùa bị suy giảm, đồ thờ tự bị hư nát...(22) nên trong giai đoạn ấy cũng khó có điều kiện tâm lý và kinh tế để khắc dựng một tấm bia theo kiểu ý

nghĩa ca ngợi, tôn vinh Thánh Tổ và ngôi cổ sát "quốc tự" như ở mặt 1.

3.4.5. Năm 1866, hạ giải, thiên di chùa về Lục Cơ – Rộc Cả cách vị trí Bát Dương hơn 20 km đường sông (sông Hồng và sông Ninh Cơ). Tấm bia cũng được tháo dỡ và chở bằng thuyền về dựng lại vào gian cạnh của tiền đường chùa ở vị trí hiện nay. Mặt sau của tấm bia do được đặt quá cận vách tường hậu nên từ bấy đấy nay, hơn 160 năm ít người có điều kiện mà tiếp cận với nội dung chữ nghĩa khắc trên đó. Những năm trước chưa có điện, không gian mặt tiền bia khá tối, người khảo chép dù có cẩn thận đến mấy thì vẫn có thể chép nhầm nhiều chữ. Điều đó lý giải cho việc sách "Thơ Văn Lý Trần" đã chép sai nhiều chữ (23).

3.4.6. Khi khắc nội dung bia mặt 1 vào khoảng cuối TK 16, nhà sư trụ trì chùa đã cùng với Hội chủ chủ trì việc di dời chùa vào xứ Bát Dương tiến hành việc củng cố hệ thống bi văn vốn có ở chùa (mà có thể đã bị thất lạc trong hơn 400 năm trước đó (từ 1167 – 1597)). Một trong số văn bia quý giá đó (hoặc đã khắc lưu trên bia đá mà bia đã bị thất lạc, hoặc chưa khắc bia đá mà còn lưu giữ bằng văn bản giấy tại chùa) chính là bài minh kiêm tựa của tác giả Dĩnh Đạt. Và kết quả của việc đó là chúng ta còn lại được mặt 1 của tấm bia quý này.

3.4.7. Tên tác giả bài minh (Dĩnh Đạt) được khắc trên cùng một cột chữ với tên của bài minh kiêm tựa (cột 1 trong bia). Cách bố cục ghi tên tác giả bài minh bia này giống hệt với tấm bia khắc dựng năm 1613 hiện dựng ở tam quan chùa Keo Hành Thiện (24).

Và chính do việc chép sao lại nội dung bài văn bia đã soạn khắc, viết từ mấy trăm năm trước, nên khó tránh khỏi có những mâu thuẫn, lầm lẫn mà chúng ta sẽ nói đến ở phần sau.

3.5. Về nhân vật Lý Tường Đĩnh: Các triều đại Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần (và đặc biệt là triều Lý) rất trọng Phật, trọng tăng. Đạo Phật được coi là "**QUỐC giáo**", Chùa lớn được coi là "**QUỐC tự**", cao tăng được tôn phong và đối xử là "**QUỐC sư**". Trong triều có biên chế "TĂNG quan" là chức quan coi sóc việc chùa chiền và hoằng dương Phật pháp.(25), có một số nhà sư đã được phong giữ chức Thái Sư (26). Khi Thiền sư Giác Hải được ban quốc tính sau khi cùng Không Lộ trừ mộc tinh, Vua Lý Nhân Tông còn cho 2 người con của Thiền sư vào làm "tăng quan" trong triều. Theo truyền thống ấy, có lẽ con, rồi cháu của các vị ấy vẫn được "tập chức" cha ông, vẫn làm việc quan tăng trong triều đình. Thế hệ thứ 4 (chắt trực hệ) thì chính là Lý Tường Đĩnh (Họ Lý này là họ của Nguyễn Giác Hải được nhà vua Lý Nhân Tông ban cho như đã nói ở trên). Lý Tường Đĩnh cũng là tăng quan và rất có uy tín trong triều (27). Ông sinh sau Thiền sư Giác Hải 55 – 80 năm (tính khoảng cách mỗi đời người thông thường là 18 – 27 năm) và hoạt động chủ yếu vào thời Vua Lý Thần Tông (1128 - 1138), Lý Anh Tông (1138 –

1175) và có thể còn vắt sang những năm đầu thời Vua Lý Cao Tông (1175 - 1211). Việc ông về tu sửa chùa Viên Quang nói đến trong bia có lẽ xảy ra vào cuối thời Lý Anh Tông, đầu thời Vua Lý Cao Tông vì lúc đó Lý Tường Đĩnh cũng đã khá lớn tuổi (Vì ông sinh muộn nhất là vào khoảng năm 1100). Với tài năng, chức vị, phẩm chất và công quả của mình, ông xứng đáng được ca ngợi như đã viết trong bia. (28)

3.6. Về tác giả bài minh kiêm tựa - Dĩnh Đạt: Theo nội dung văn bia, chúng tôi hiểu Dĩnh Đạt là một tăng quan cùng triều với Lý Tường Đĩnh. Mà cũng không loại trừ trường hợp về phía gia đình thì Dĩnh Đạt là anh, em hoặc cháu của Lý Tường Đĩnh. Tác giả rất am hiểu Phật pháp, rất rành rẽ về chùa am, và cũng rất hiểu sự trân trọng, tôn sùng, bảo trợ của các đời vua Lý với đạo Phật nói chung, chùa Viên Quang và Thánh Tổ Giác Hải, Lý Tường Đĩnh nói riêng.

Tác giả soạn bài minh kèm tựa này khi Lý Tường Đĩnh đã hoàn thành công quả tu bổ hoàn chỉnh chùa Viên Quang (có thể là vào cuối thời Lý Anh Tông (1138 - 1175), đầu thời Vua Lý Cao Tông (1175 - 1211)). Trong văn bia ông có nhắc đến "**hai Thánh = Nhị Thánh = □□** " chính là hai Vua Thần Tông và Anh Tông (đã băng), và "**Vua nay = Kim Vương = □□** " (đang chấp chính khi ông soạn văn bia) chính là Vua Lý Cao Tông.

4. Về nội dung bia:

4.1. Bài minh kiêm tựa khắc trên mặt 1 tấm bia gồm những nội dung sau:

4.1.1. Đạo Phật, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni và sự phát dương quang đại của Đạo Phật.

4.1.2. Đại Pháp Sư Giác Hải: Xuất thân, hành trạng ("quá trình tu hành"), công quả và đức độ. Cuối đời về chốn chùa cũ là nơi thế đất đẹp, cách xa chốn chợ búa hàng tôm cá, bán mua súc vật hôi tanh để nghỉ ngơi.

4.1.3. Nhà Vua Lý Anh Tông cho xây dựng chùa Diên Phúc với quy mô lớn vào năm Thiệu Minh sơ niên 1138, khi Thiền sư Giác Hải Viên tịch,

Chùa Viên Quang là nơi Vua Thần Tông (trước năm 1138) và Vua Anh Tông thường xuyên đi về thăm viếng, nghe giảng đạo và lễ Phật. ("Nhị Thánh quan du")

4.1.4. Lý Tường Đĩnh là một tăng quan tài giỏi, đức độ, đã có công quả tu bổ hoàn chỉnh chùa Viên Quang, xây dựng nhà bia. ("Nhất nhân thắng thưởng")

Với tất cả những ý nghĩa đó, rất cần có một bài văn ghi chép lại để hậu thế được biết những điều tốt đẹp về đạo, về chùa, về sư ("thịnh sự"), nên Dĩnh Đạt (tuy tự khiêm là kiến văn kém cỏi, chỉ có tấm lòng thành muốn ghi lại sự việc) đã "miễn cưỡng" mà viết ra bài minh kiêm tựa này.

4.2. Về một số câu chữ trong bia:

4.2.1. "A DI ĐÀ PHẬT = □□□□ ": Bốn chữ lớn khắc trên trán bia, cũng giống như 6 chữ "NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT = □□□□□□ " được khắc trên trán tấm bia 1628 do Tiến sĩ Đặng Phi Hiển soạn văn khắc dựng ở chùa Thần Quang Hành Thiện. Tôi nghĩ nó chỉ có ý nghĩa như là câu niệm Phật mở đầu cho một hoạt động nào đó hay như một câu chào hỏi, niệm chú của Phật tử trước khi bước vào chùa. Nó cũng có thể là lời thưa gửi mào đầu trước khi bước vào trình bày một vấn đề gì đó về chùa, về Phật. Văn bia gốc từ thời Lý hoàn toàn đã có thể có 4 chữ đó, chứ không hẳn phải là đến đời sau này "khi khắc lại tấm bia người đời sau mới ...thêm vào" như sách "Văn Bia Thời Lý" đã nghi ngờ (trang 304).

4.2.2. "**Thiên Phù Duệ Vũ tam niên, Giác Hải Đại Pháp Sư khắc bi nhất diện**". Câu văn này có nghĩa "**Năm Thiên Phù Duệ Vũ thứ 3 (1122) Đại Pháp Sư Giác Hải đã khắc dựng một tấm bia**". Chữ "nhất diện" hiểu là "một **TẤM**" chứ không nên hiểu là "ở **MỘT MẶT**" để rồi quy ghép ra việc "Đại Pháp Sư Giác Hải đã khắc 1 MẶT tấm bia". Câu này cũng có thể hiểu rằng: Khi viết bài minh kiêm tựa vào những năm đầu thời Lý Cao Tông (1175 - 1210), tác giả Dĩnh Đạt đã nhắc đến việc: "Trước đây mấy chục năm, vào năm 1122, (khi 99 tuổi) Đại Pháp Sư Giác Hải đã từng khắc dựng một tấm bia ghi chép về chùa". Rồi tiếp theo tác giả Dĩnh Đạt tiếp tục viết bài minh kiêm tựa theo đề cương của mình. Không hẳn câu này "là những chữ còn sót lại của một bài minh khác" như sách "Văn Bia Thời Lý" đã nhận định ở trang 304.!

4.2.3. Chữ "**Lý =** □ " hay chữ "**Trùng =** □ ". Xem lại điều này ở mục 3, phần II. Tôi ngờ rằng chữ trên văn bản bia xưa là chữ "trùng = □ ".

4.2.4. Chữ khắc sót hay khắc dư : Xem lại điều này ở mục 1, phần II.

4.2.5. Chữ "**Minh Đạo =** □□ ". Năm Minh Đạo nguyên niên là năm 1042 dưới triều Lý Thái Tông, khi Giác Hải 19 tuổi. Nếu lúc đó Ngài đã đi tu và dựng am nhỏ Diên Phúc của mình thì có lý, chứ năm ấy tiếng tăm, công quả của Giác Hải chưa có gì, nhà vua chưa thể "sắc cho Hữu ty, tốc hưng kinh thuỷ" = "ra lệnh cho Hữu ti mau về xây dựng chùa lớn" được. Cho nên, rất có thể cái niên đại này liên quan đến việc Giác Hải xây dựng am Diên Phúc ban đầu, rồi truyền nhân của Ngài nghe, nhớ nhầm, lẫn sang với sự kiện "Nhà vua sắc lệnh về xây dựng chùa Diên Phúc". Các sách "Thơ Văn Lý Trần" và "Văn Bia Thời Lý" đã ngờ

rằng vị trí hai chữ “Minh Đạo = □□ ” đó phải là “Thiệu Minh = □□ ”, trỏ đúng vào cái năm 1138 (Thiệu Minh sơ niên) là năm Giác Hải viên tịch, Nhà vua cho xây dựng to lớn chùa Diên Phúc. Và sự ngờ vực người xưa đã khắc lầm lẫn đó là đúng !

4.2.6. Chữ “Phù bôi = □□ ”: Nghĩa gốc của từ này là “chén nổi”, nói về một tục chơi dân gian của người cổ đại bên Trung Quốc (Tháng 3, ngày Tỵ, tập trung dân làng chia dàn đứng ở hai bên bờ sông, từ trên đầu dòng rót rượu vào chén gỗ, thả trôi theo dòng nước, chén dừng trước mặt người nào lâu thì người đó phải đón uống hết chén rượu đó, miệng nói “Xin mời uống !”. Trò chơi này có khi kéo dài nhiều ngày). Câu “Sạ phù bôi nhi hoàn cựu lý = □□□□□□ ” ở bài minh này, tôi hiểu là Thiền sư Giác Hải không hành hoá thập phương dân gian nữa mà trở về quê hương làng cũ ở Vạn Giao Thuỷ, thê trì nghỉ ngơi ở chùa Diên Phúc, chứ không phải là “xuôi thuyền trở về” như hai bản sách “Thơ Văn Lý Trần” và “Văn Bia Thời Lý” đã dịch.

Chữ “Phù bôi = □□ ” cũng còn một cách hiểu khác là nói về cái “bát khất thực” (xin ăn) của các nhà sư xưa. Trong trường hợp này câu văn được hiểu là “Thiền Sư Giác Hải không còn đi hành khất, giáo hoá thập phương nữa mà trở về làng, chùa cũ”.

4.2.7. Chữ “Thuỷ trầm = □□ ”: Xem lại ở mục 2, phần II.

4.2.8. Chữ “Nhị Thánh = □□ “. Nói về hai ông Vua: (Lý Thần Tông và Lý Anh Tông) đã thường xuyên về chùa Diên Phúc thăm chùa và lễ Phật, cho xây dựng to lớn chùa Viên Quang vào các năm 1138, 1167.

4.2.9. Chữ “Nhất nhân = □□ “. Nhiều tác phẩm, tác giả cho là chỉ Đại Pháp Sư Giác Hải, là người khởi dựng chùa Diên Phúc – Viên Quang, đã có công quả rất lớn với Đạo Phật triều Lý Thánh Tông - Lý Nhân Tông – Lý Thần Tông, được Vua Lý Anh Tông kính trọng.

Chúng tôi thì cho rằng: “**Một người – nhất nhân**” ở đây là chỉ Lục Thượng Thái Sư Lý Tường Đĩnh. Lý Tường Đĩnh chắt của Giác Hải, là tăng quan tài giỏi, mẫn cán, uyên bác và được các triều Vua Lý Thần Tông, Lý Anh Tông nể trọng, ban cho chức quan cao, lộc bổng hậu “lục thượng chi danh, nhất phẩm chi tước”, là một trong số ít viên quan đầu triều của “tiên vương”, cho nên Vua Lý Cao Tông rất quý mến, trọng thị, kính nể. Ông lại rất quan tâm đến việc khuyến dụ, khéo léo tổ chức cho nhà Vua tu sửa và đi về thăm chùa, bái Phật ở chùa Viên Quang. Vì vậy mà Vua Lý Cao Tông (kim vương = Vua nay) mới “mến dạ một người thắng thưởng” bên cạnh việc “cảm nơi hai Thánh quan du”.

4.2.10. Chữ “**dương huyết uế lân = □□□□**“. Tôi nghĩ câu này chỉ khu chợ thuộc vạn - hương Giao Thuỷ, có nhiều chỗ mua bán cá, súc vật và giết mổ bán.....thịt. Trong tấm bia 1613 ở chùa Thần Quang Hành Thiện có nói rõ hai chùa Viên Quang - Thần Quang xưa ở cạnh nhau và khá gần một khu chợ (về phía Đông Bắc).

5. Về những phát hiện của tác giả Vũ Thế Khôi qua tấm bia:

Bài khảo cứu của tác giả Vũ Thế Khôi khá dài, dẫn dắt rất kỹ, nhưng tựu chung lại có 3 điểm chính:

5.1. Phát hiện về niên đại định bản nội dung mặt 1 tấm bia là vào thời Vua Gia Long (Nguyễn sớm) trên cơ sở xác định việc dùng chữ Long = □ = thịnh, thay cho chữ Long = □ = rồng. Nhưng điều đó là hoàn toàn vô lý vì Vua Gia Long không hề có lệnh kiêng huý chữ Long = □ = rồng, và lại càng không chuyển viết chữ Long = □ = rồng thành chữ Long = □ = thịnh trùng đúng với niên hiệu của mình (Gia Long = □□). Hơn nữa, trên tấm bia hiện còn rất rõ ràng chữ ÁNH = □ là tên huý của Vua Gia Long = Nguyễn Ánh = □□ . (Lúc đó đã có lệnh kỵ huý chữ Ánh = □ rồi, khi cần viết đến chữ Ánh =□ , thì phải viết là “tả tòng Nhật hữu tòng Ương = □□□□□ ”). (29). Cho nên có thể quả quyết rằng, mặt 1 tấm bia này không thể khắc vào triều nhà Nguyễn được.

5.2. Tác giả đã cho rằng nội dung bia tả sai vị trí chùa Viên Quang cổ: Do tác giả đã cho rằng xưa chùa Viên Quang là ở chỗ xã Trực Tuấn, huyện Trực Ninh hiện nay mà không biết rằng thực ra chùa Viên Quang thời Lý (và cho đến tận thời Nguyễn Tự Đức, vẫn là ở mép nước hữu ngạn sông Hồng, ở gần chỗ Tân Thịnh – Từ Quán – Quán Các thuộc huyện Nam Trực, cách xã Trực Tuấn huyện Trực Ninh về phía Bắc gần 20 kim.

Thực ra câu văn bia đã tả rất kỹ, rất đúng về vị trí của ngôi chùa Diên Phúc – Viên Quang xưa giống như các tác giả “Thơ Văn Lý Trần” và “Văn Bia Thời Lý” đã dịch. “Phía trước mẫu nam, muôn khoảnh mây vàng giãi đất, Phía sau sông lớn, nghìn trùng sóng biếc liền trời; Bên tả hành cung đất Hải, thuế cày đều giảm nhẹ xuân thu, bên hữu chùa cổ Long Kiều, chuông kệ thảy lắng nghe sớm tối” (sách “Thơ Văn Lý Trần”, trang 454).

5.3. Về chữ “**phù bôi = □□** “ trong câu văn “Nãi sách trượng nhi quy bản hương, Sạ phù bôi nhi hoàn cựu lý”, nhà nghiên cứu Vũ Thế Khôi cũng như các tác giả sách “Thơ Văn Lý Trần” và sách “Văn Bia Thời Lý” đều hiểu “phù bôi” là “cái chén nổi trên mặt nước” = “cái thuyền”. Thành thử:

- Sách “Thơ Văn Lý Trần” thì dịch là: ”Người bèn: chống gậy lại làng xưa, xuôi thuyền về quê cũ” (trang 454).

- Sách “Văn Bia Thời Lý” thì dịch là : ”Bèn chống gậy mà về quê hương, chợt thả thuyền mà xuôi làng cũ” (trang 313).

- Nhà nghiên cứu Vũ Thế Khôi, thêm một chút ám ảnh về phép thuật cao siêu của các vị Thánh Tổ qua truyền thuyết nữa (như bay lên trên không, đạp sóng mà đi như trên đất bằng, rút đất, vượt biển, lấy nón làm thuyền, túi nhỏ chứa nhiều kho đồng không đầy...), thì dịch là: “*bèn xách thiền trượng về quê nhà,* ***thoắt lật ngửa nón tu lờ làm thuyền bơi về làng cũ.***” (trang 21, Tạp Chí Hán Nôm số 5 (150) năm 2018).

Trong các sách nhà Phật, nói rất nhiều đến điển tích “phù bôi” này, nhưng đều trỏ rằng, đó là hoạt động vui chơi ở chốn dân gian, ngoài thế tục. Nên chúng tôi mạnh dạn “dịch” câu văn đó như sau: ”**Người bèn: chống thiền trượng trở lại quê xưa, bỏ tha phương mà về làng cũ**”, với ý rằng: Chúng sinh đã hoá độ, Thiền sư đã già nua, người không đi hành hoá thập phương nữa mà về an nghỉ - “thê trì” ở chùa xưa làng cũ (chùa Diên Phúc thuộc vạn Giao Thuỷ).

Rảnh rỗi ngồi nhà nghe tin Bia đá cổ Chùa Viên Quang được công nhận lầ **BẢO VẬT QUỐC GIA**, soi ít chữ trên bia đá, sách vở, bộc bạch vài suy nghĩ lẩn thẩn về chùa xưa việc cũ. Những mong góp được thêm những trao đổi thiện tình về tấm bia chùa Viên Quang - một di sản quý của tiền nhân.

Tác giả: **Đỗ Hữu Trác**

Chú thích:

(1). Vào đầu thời Lê, đạo Phật không được triều đình tôn trọng, chu cấp và bảo trợ tích cực như ở thời Lý - Trần, ruộng chùa bị quan lại địa phương, dân cư phân tán và chiếm hữu, nhất là trong quá trình di dân, khai hoang lập ấp và lở bồi ở vùng vạn Giao Thuỷ. Hai ngôi chùa Viên Quang, Thần Quang bị tổn thất rất nhiều ruộng “dầu nhang” và “quyên hộ”, nên đến cuối TK 16 đã có những bậc vương công quý tộc mộ Phật đứng ra quyên góp tu bổ chùa và... đòi lại ruộng cho nhà chùa. Việc này có ghi trong tấm bia 1609 hiện còn lưu ở chùa Keo Thái Bình. Chùa Viên Quang, dịp ấy, có lẽ là được di dời vào “trong đê” = “xứ Bát Dương” và Quận công Nguyễn Nghĩa Hưu đã cho khắc lưu “địa bạ” này của chùa (!?).

(2). Sách “Văn bia thời Lý”, trang 304 nói “văn bia đã được người đời sau khắc lại, “**nhiều chữ khắc sai**” (tôi nhấn mạnh - Đ.H.T) mà không chỉ rõ là sai những chữ nào.

(3). Chữ “Chiêm = □ “ được các tác giả “Thơ văn Lý Trần” “bổ” vào, được chúng tôi đóng khung xanh ở ảnh chụp trang sách 451 kèm theo.

(4). Có lẽ vì cũng cảm thấy chữ ở vị trí đó phải là chữ TRÙNG = □ mới hợp văn cảnh, nên các tác giả Thơ văn Lý Trần đã chủ động chép, phiên thành chữ Trùng, chứ không phải là chữ Lý như trên mặt bia (trang 450, 452 sách “Thơ văn Lý Trần”).

(5). Chữ THÁNH = □ này sai do gõ lầm máy tính khi chế bản, trong khi phần phiên âm, dịch nghĩa vẫn viết chính xác theo bia gốc là chữ “ANH”. Chữ gõ lầm này không ảnh hưởng gì đến việc diễn dịch văn bia. Chữ Anh = □ trên thác bản này rất rõ nét, dễ đọc, không “bị nhoè mực” như tác giả Vũ Thế Khôi đã nhận định trong bài viết đăng trên Tạp chí Hán Nôm kể trên. (ảnh trích chụp đoạn văn có chữ ANH trong thác bản kèm theo “Kim Viên Quang tự giả, tức Lý ANH tông chi sở sáng”)

(6). Năm 1167 có lẽ là thời điểm sửa chùa rồi đổi tên là “Viên Quang” nói trong nội dung tấm bia. (Tuy nhiên, văn bia đã viết nhầm thời điểm thành “Minh Đạo nguyên niên = 1042” dưới thời Vua Lý Thái Tông, khi Giác Hải mới 19 tuổi, chưa đi tu).

(7).Theo khảo cứu của cụ Đặng Xuân Bảng.

(8).Theo nội dung tấm bia Đồng Khánh 2 - Bính Tuất – **1886**, hiện dựng ở thuỷ đình chùa Viên Quang.

(9).Theo nội dung kê ghi ruộng đất của chùa VQ khắc ở mặt sau tấm bia này.

(10).Theo nội dung phả họ Phạm làng Nghĩa Xá.

(11).Theo nội dung tấm bia Đồng Khánh 2 - Bính Tuất – **1886**, hiện dựng ở thuỷ đình chùa Viên Quang.

(12).Ngày nay (năm 2021) ở chùa Viên Quang vẫn còn vài chục “đá tảng” kê chân cột rất lớn (đường kính cột cỡ ngoài 30 cm) mà không ai biết rằng xưa….nó ở chỗ nào, giữ vai trò gì trong chùa gốc ?

(13).Theo tìm hiểu của chúng tôi, Đạo Phật truyền vào Việt Nam theo đường biển từ trước thời Đinh đến thời Lý, Trần không có “giới” việc các thiền sư lấy vợ sinh con. Tục ấy còn duy trì mãi đến sau này cho đến khi Thiền phái Tào Động du nhập vào Việt Nam từ phương Bắc. Những năm giữa thời thịnh Lê - TK 16 - 17, có rất nhiều các vị cao tăng, tăng thống, tăng quan có vợ con đầy đủ.

Hiện có tài liệu khác về năm sinh của Giác Hải (ví dụ 1084) nhưng như thế thì không phù hợp với việc Giác Hải kết bạn với Không Lộ (sinh năm 1016) và Từ Đạo Hạnh (sinh năm 1012), và ông không thể kịp có mặt để chữa bệnh cho vua Lý Nhân Tông vào năm 1072 được. Chúng tôi cho rằng những người soạn sách ấy đã nhầm năm sinh (Giáp Tý) của Giác Hải muộn đi một thập niên hoa giáp (60 năm) mà không đối chiếu với các sự kiện, mốc thời gian khác. Việc nhầm niên đại chệch đi 1 "thập niên hoa giáp" là rất thường thấy. (Ngay trong sách thời cận đại của Thiền Sư Thích Mật Thể cũng nhầm khi viết "Vua Lý Thái Tổ (1010 - 10**88**)" ở trang 126 trong khi niên đại đúng phải là (1010 - 1028).

(14).Theo Wikipedia.

(15).Toàn bộ các tư liệu về lai lịch của Thiền sư Giác Hải (trừ mục chú thích 13 nói năm mất ở trên) đều theo khảo cứu về Thánh Tổ Dương Không Lộ của Tiến sĩ Tuần phủ Đặng Xuân Bảng.

(16).Theo Thiền sư Thích Mật Thể trong "Việt Nam Phật giáo sử lược" xuất bản năm 1942.

(17).Trong số các di văn ở chùa Viên Quang từ thời trước, có lẽ bài minh kiêm tựa của Dĩnh Đạt là có giá trị "***phi vật thể***" nhất. Nó chứng tỏ rằng: Chùa Viên Quang do Thánh Tổ Giác Hải xây dựng, trú trì, được hai Vua Lý Thần Tông và Lý Anh Tông cho tu sửa và thường xuyên đi về lễ bái, "quan du", được Thái Sư Lý Tường Đĩnh sửa chữa, "thắng thưởng". Vì thế, cần đem khắc lại để "bổ túc" hồ sơ, chứng dẫn cho ngôi chùa như một "danh lam", "quốc tự" bên cạnh việc củng cố "hồ sơ ruộng đất".

(18). Đó là các tấm bia 1609 ở chùa Keo Thái Bình, 1613, 1628...ở chùa Keo Hành Thiện.

(19). Theo nội dung tấm bia 1628 ở chùa Keo Hành Thiện.

(20). Đó là các chữ ở vị trí: thứ 13 cột 9 (**long hổ**), thứ 7 cột 10 (**long kiều**), thứ 16 cột 15 (**long chu**), thứ 14 cột 16 (**long não**)

(21). Ít nhất là trên ba đạo sắc phong thời Lê Cảnh Hưng cho vị Thần Thành Hoàng (Hinh Long Đại Vương = □□□□) thôn Đông, xã Trà Lũ, huyện Giao Thuỷ, Phủ Thiên Trường (nay là xã Xuân Phương, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định) thì chữ LONG đã được triều đình viết theo lối kỵ huý (thêm bộ trùng vào đằng trước chữ LONG = □ thành □). (Với cách viết kiêng huý như vậy, đã làm nảy sinh một câu chuyện vui vui là: Cách nay vài chục năm, có nhà nghiên cứu lịch sử - Hán Nôm về quê Trà Lũ khảo sát và tìm kiếm tư liệu, đã đọc tên hiệu của vị Thần Thành Hoàng thôn Đông xã Trà Lũ từ "HINH LONG = □ □ " thành

“HANG RỒNG” (theo âm Nôm), trong khi trước sau Cử nhân người bản xã Lê Văn Nhưng (1856 - 1916) luôn đọc và viết là “HINH LONG = □□ ”).

Có một điều đặc biệt là ở mặt sau tấm bia cũng có khắc một chữ LONG = □ (long khám) ghi chép sự việc vào năm 1598, nhưng không khắc theo lối kỵ huý. (Không hiểu lai lịch chuyện này là như thế nào !? – Đ.H.T)

(22). Bằng chứng là năm 1854 đồ thờ cúng ở chùa hư hỏng nặng, có một vị thư lại ở huyện Xuân Trường là Hoàng Nghĩa Nhu cùng vợ đã tiến cúng tiền của chế tạo các cỗ kiệu thờ, các toà khám thờ trong chùa (Việc này có bia ghi công đức còn lưu lại ở chùa VQ hiện nay).

(23). Ví dụ như: nhầm chữ “sản = □ “ thành chữ “chung = □ “, chữ “đồng = □ “ thành chữ “đan = □ “, chữ “khê = □ “ thành chữ “tân = □ “ , chữ “ấu = □ “ thành chữ “sơ = □ “, chữ “tính = □ ” thành chữ “điệt = □ ”, chữ “ hoành = □ ” thành chữ “tiên = □ ”,...

(24). Tấm bia 1613 hiện dựng ở tam quan chùa Keo Hành Thiện. Theo nội dung, tấm bia này được khắc ghi khi chùa Thần Quang còn ở vị trí cũ trên hữu ngạn thượng lưu sông Hồng (vùng xã Tân Thịnh, huyện Nam Trực ngày nay), rất gần với chùa Viên Quang. Trên cột 1 văn bia, sau khi khắc tên bài minh “**Tu Tạo Hành Cung Trang Thần Quang Tự Bi Ký** ” , thì khắc luôn: “Tuệ Hữu tự Bảo Trân Vạn Khánh Hưng Thiền cẩn tự.” là tên tác giả bài tựa.

Theo lối thông thường tên tác giả soạn văn bia, người viết chữ, người khắc đá thường đặt ở cuối bia sau dòng ghi niên đại khắc dựng, đề tựa.

(25). Trước lứa cao tăng : Từ Đạo Hạnh - Không Lộ - Giác Hải ra đời, trong triều đình nhà Lý đã có Từ Vinh (bố đẻ Từ Đạo Hạnh) làm “Tăng quan”.

(26). Ví dụ như Thiền sư Ngô Chân Lưu được Vua Đinh Tiên Hoàng phong làm Tăng thống, làm “Khuông Việt Thái Sư” (nghĩa là “Giúp đỡ sửa sang nước Việt”), được Vua Lê Đại Hành coi như vị cố vấn số 1 của mình; Thiền Sư Đỗ Pháp Thuận được vua Lê Đại Hành tín nhiệm và kính trọng đến mức chỉ dám gọi “Đỗ Pháp Sư” chứ không bao giờ gọi thẳng tên “huý” của ngài, Thiền Sư Vạn Hạnh là người dẫn dắt đưa Lý Công Uẩn (một người thời trẻ cũng đã đi tu Phật) vào Hoa Lư làm quan với triều Lê Đại Hành, rồi sau này lên ngôi vua là Lý Thái Tổ,...(Tôi thì nghĩ rằng Lý Công Uẩn chính là con đẻ của 1 vị sư (Lý Khánh Văn ở chùa Cổ Pháp, hoặc chính là Thiền Sư Vạn Hạnh !?) – Đ.H.T).

(27). “Lục thượng trao danh, nhất phẩm ban tước”. Có lẽ còn được tôn phong hơn cả “Chủ tịch Hội Phật Giáo Việt Nam” hiện nay.

(28). “Thanh giá đã bao trùm thời thịnh, vinh hoa còn lưu lại đời sau”

(29). Theo sách “Chữ huý Việt Nam qua các triều đại” của Ngô Đức Thọ, Nxb Văn Hoá, 1997, trang 326. Trong bia, chữ “**ÁNH = □** ” ở vị trí thứ 34, cột 13, trong câu “**triêu vân sinh ư lương đống, mộ hà ÁNH ư củng lư** = □□□□□□□□□□□□□ ”.